

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **109/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/3/2026

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Duy

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thảo N, sinh năm 2000. (*xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp KG, xã GCD, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1997. (*vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: Ấp KG, xã GCD, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 05/01/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thảo N trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện tiến đến hôn nhân sau thời gian tìm hiểu nhau; anh chị tổ chức đám cưới vào năm 2017 và đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang (nay là xã GCD, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 11/10/2019. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9/2025, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cự cãi nhau và anh L đánh chị; anh L dọn ra ngoài thuê nhà

trợ sinh sống và cũng từ thời điểm này vợ chồng chị đã ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 17/01/2017 hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Chí L trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do chị N đi đám giỗ về khuya, anh không liên lạc được nên trong lúc ghen tuông anh có to tiếng và đánh chị N. Sau đó, do giận vợ và gia đình vợ có la mắng anh nên anh dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống để đi làm gần công ty hơn. Thời gian sau, anh có nhận lỗi và xin hàn gắn tình cảm nhưng chị N không đồng ý và gửi đơn xin ly hôn. Nay anh rất thương vợ con và không đồng ý ly hôn nhưng anh không tìm được giải pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

- Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 01 con chung như chị N trình bày và hiện cháu đang sống cùng chị N. Nếu vợ chồng anh ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thảo N, cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 17/01/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N xin vắng mặt, bị đơn anh L vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện GC, tỉnh Tiền Giang (nay là xã GCD, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 11/10/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2025 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, không hàn gắn tình cảm được; nguyên nhân do anh L ghen tuông dẫn đến vợ chồng cự cãi và anh L có đánh chị N. Hội đồng xét xử nhận thấy dù anh L không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng anh có xảy ra nhiều mâu thuẫn như nêu trên, anh đã nhiều lần trao đổi hàn gắn tình cảm nhưng chị N không đồng ý, trong quá trình giải quyết vụ án dù Tòa án đã động viên anh chị hàn gắn nhưng chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn. Từ những tình tiết nêu trên cho thấy hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh L là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 17/01/2017. Xét yêu cầu của chị N về việc được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, nhận thấy: cháu Thiện hiện sống cùng chị đã ổn định cuộc sống về mọi mặt và cháu cũng có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng chị. Do đó, việc giao cháu T1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của chị N là có căn cứ chấp nhận. Vì anh L không trực tiếp nuôi con nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do thu nhập của anh L thuộc trường hợp lao động phổ thông nên mức cấp dưỡng nuôi con mà anh L phải thực hiện mỗi tháng là 1/2 tháng lương tối thiểu vùng nơi anh L cư trú, tại thời điểm xét xử tương ứng với mức 1.850.000 đồng/tháng (lương tối thiểu vùng căn cứ theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị N yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thảo N. Chị Võ Thảo N được ly hôn với anh Nguyễn Chí L.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 17/01/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 theo quy định pháp luật, mức cấp dưỡng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 1.850.000 đồng/tháng, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000879 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND khu vực 2 - DT;
- THADS tỉnh DT;
- UBND xã GCD, Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Bích Thiên